



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chò năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11-41

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tiền thân là Công ty Sông Đà 9 trực thuộc Tổng Công ty Sông Đà, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 9 theo quyết định số 2195-BXD ngày 18/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Hữu Thắng	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Hưng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Lê Công Tinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hoàng Cường	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 18/04/2013

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đắc Thiệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Kim Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 23/01/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Trần Anh Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 18/04/2013

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

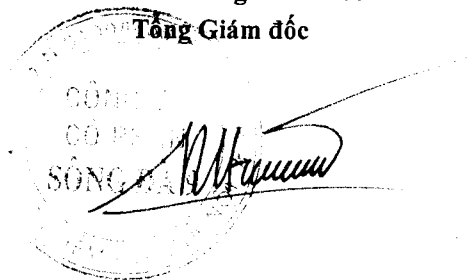
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

A circular stamp of Công ty Cổ phần Sông Đà 9 is visible, containing the company name and registration information. A handwritten signature in black ink is written over the stamp.

**Nguyễn Hoàng Cường**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sông Đà 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

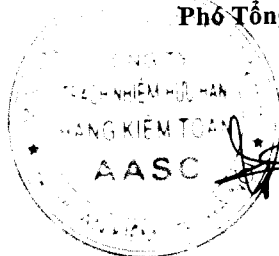
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

**Kiểm toán viên**

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Dương Quân Anh".

**Dương Quân Anh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1686-2013-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>931.637.589.594</b>	<b>840.119.408.021</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>95.019.885.339</b>	<b>36.022.489.189</b>
111	1. Tiền		95.019.885.339	29.022.489.189
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	7.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>63.450.000.000</b>	<b>63.450.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		63.450.000.000	63.450.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>429.836.700.438</b>	<b>346.958.639.316</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		385.078.962.720	328.044.599.050
132	2. Trả trước cho người bán		25.948.755.055	22.065.305.019
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	33.893.589.777	11.612.466.426
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15.084.607.114)	(14.763.731.179)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>314.870.882.930</b>	<b>366.932.705.095</b>
141	1. Hàng tồn kho		314.870.882.930	366.932.705.095
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>28.460.120.887</b>	<b>26.755.574.421</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		6.297.468.337	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.266.409.763	8.072.562.357
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>7</b>	18.896.242.787	18.683.012.064
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>594.388.675.853</b>	<b>633.231.552.224</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>414.096.207.564</b>	<b>431.728.743.127</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>8</b>	409.029.717.967	423.413.400.185
222	- Nguyên giá		1.009.463.719.896	953.178.561.411
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(600.434.001.929)	(529.765.161.226)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>9</b>	90.000.000	90.000.000
228	- Nguyên giá		170.000.000	170.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.000.000)	(80.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>10</b>	4.976.489.597	8.225.342.942
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	-	<b>9.874.440.168</b>
241	- Nguyên giá		-	27.607.071.080
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(17.732.630.912)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>174.029.729.456</b>	<b>191.143.542.744</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		112.579.247.944	112.579.247.944
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		20.887.808.667	20.887.808.667
258	3. Đầu tư dài hạn khác		83.490.415.909	89.870.704.591
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(42.927.743.064)	(32.194.218.458)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.262.738.833</b>	<b>484.826.185</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>13</b>	5.614.073.842	17.208.335
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		644.164.991	460.117.850
268	3. Tài sản dài hạn khác		4.500.000	7.500.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.526.026.265.447</b>	<b>1.473.350.960.245</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>981.645.077.527</b>	<b>944.772.316.328</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>833.394.382.486</b>	<b>779.637.800.032</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	512.309.266.792	478.457.938.622
312	2. Phải trả người bán		99.784.807.437	135.050.066.012
313	3. Người mua trả tiền trước		112.899.227.442	39.576.067.548
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	39.916.787.893	38.615.875.539
315	5. Phải trả người lao động		23.959.013.399	34.454.351.658
316	6. Chi phí phải trả	16	23.058.230.570	28.577.047.494
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	12.546.553.939	14.347.259.713
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.920.495.014	10.559.193.446
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>148.250.695.041</b>	<b>165.134.516.296</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		225.092.083	202.737.958
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	148.025.602.958	164.931.778.338
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>544.381.187.920</b>	<b>528.578.643.917</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>544.381.187.920</b>	<b>528.578.643.917</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		292.500.000.000	292.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.322.248.169	21.322.248.169
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		145.644.857.965	131.153.016.557
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		18.042.041.639	15.566.219.158
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66.872.040.147	68.037.160.033
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.526.026.265.447</b>	<b>1.473.350.960.245</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		2.244,31	934,34
- Đồng Euro (EUR)		102,40	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014  
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Hương

Phạm Quốc Thái

Nguyễn Hoàng Cường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	833.099.129.279	823.866.219.241
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		833.099.129.279	823.866.219.241
11	4. Giá vốn hàng bán	21	671.600.875.544	629.183.187.370
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		161.498.253.735	194.683.031.871
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	31.580.736.391	15.539.868.256
22	7. Chi phí tài chính	23	87.878.856.796	104.364.058.340
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		72.809.913.781	90.526.012.101
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	48.626.208.865	44.498.525.396
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.573.924.465	61.360.316.391
31	11. Thu nhập khác	25	6.523.787.743	4.622.927.441
32	12. Chi phí khác	26	2.544.645.923	1.298.074.745
40	13. Lợi nhuận khác		3.979.141.820	3.324.852.696
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.553.066.285	64.685.169.087
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	9.649.001.902	10.764.215.129
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27	(184.047.141)	(184.047.140)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>51.088.111.524</b>	<b>54.105.001.098</b>

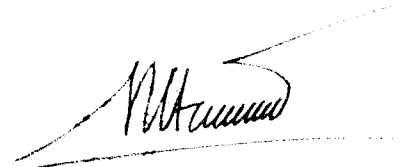
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Lan Hương

Phạm Quốc Thái

Nguyễn Hoàng Cường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		746.379.165.957	805.197.631.295
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(390.765.258.536)	(456.391.742.501)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(96.570.990.443)	(92.146.103.800)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(75.430.936.945)	(93.284.146.895)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(18.433.661.639)	(4.276.607.658)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		34.238.468.314	116.485.624.818
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(93.281.166.162)	(185.108.338.300)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>106.135.620.546</b>	<b>90.476.316.959</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(52.652.761.266)	(48.070.448.154)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	755.200.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(63.450.000.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(410.885.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.957.443.215	1.545.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.861.940.865	2.576.474.784
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(34.833.377.186)</b>	<b>(107.054.658.370)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		659.087.079.615	540.409.049.583
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(642.141.926.825)	(541.168.545.819)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.250.000.000)	(35.100.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(12.304.847.210)</b>	<b>(35.859.496.236)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>58.997.396.150</b>	<b>(52.437.837.647)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>36.022.489.189</b>	<b>88.460.326.836</b>
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>95.019.885.339</b>	<b>36.022.489.189</b>

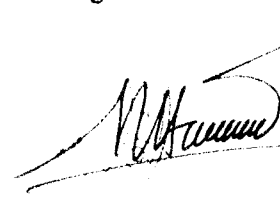
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Lan Hương

Phạm Quốc Thái

Nguyễn Hoàng Cường

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP***Năm 2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tiền thân là Công ty Sông Đà 9 trực thuộc Tổng Công ty Sông Đà, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 9 theo quyết định số 2195-BXD ngày 18/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 292.500.000.000 đồng; tương đương 29.250.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**1.2 . Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:**

	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh</b>
Chi nhánh Sông Đà 901 <sup>(1)</sup>	Gia Lai	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; kinh doanh vật tư.
Chi nhánh Sông Đà 902	Sơn La	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; kinh doanh vật tư.
Chi nhánh Sông Đà 903 <sup>(2)</sup>	Lai Châu	Xây dựng, thi công cơ giới, san lấp mặt bằng.
Chi nhánh Sông Đà 905	Lào Cai	Xây dựng công trình, kinh doanh vật tư, ...
Chi nhánh Sông Đà 907	Tuyên Quang	Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, ...
Chi nhánh Sông Đà 908 <sup>(3)</sup>	Lai Châu	Xây dựng, thi công cơ giới, san lấp mặt bằng.
Chi nhánh Sông Đà 910	Thái Nguyên	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; kinh doanh vật tư.

(1) Theo Quyết định số 127/2013/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc về việc thành lập Chi nhánh Sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai kể từ ngày 30/12/2013.

(2) Theo Quyết định số 93/2012/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2012 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc giải thể Công ty TNHH MTV Sông Đà 903 kể từ ngày 01/01/2013 và theo Quyết định số 98/2012/QĐ-HĐQT ngày 01/01/2013 về việc thành lập Chi nhánh Sông Đà 903 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại huyện Thanh Uyên, tỉnh Lai Châu kể từ ngày 01/01/2013.

(3) Theo Quyết định số 92/2012/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2012 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc giải thể Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 kể từ ngày 01/01/2013 và theo Quyết định số 99/2012/QĐ-HĐQT ngày 01/01/2013 về việc thành lập Chi nhánh Sông Đà 908 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu kể từ ngày 01/01/2013.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

### **1.3 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vật liệu; thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng, các đơn vị trực thuộc và 02 Công ty con sở hữu 100% vốn bao gồm: Chi nhánh Sông Đà 902, Chi nhánh Sông Đà 905, Chi nhánh Sông Đà 907, Chi nhánh Sông Đà 910, Công ty TNHH MTV Sông Đà 903 và Công ty TNHH MTV Sông Đà 908.

Công ty TNHH MTV Sông Đà 903, Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 được chuyển đổi thành Chi nhánh Sông Đà 903, Chi nhánh Sông Đà 908 theo Quyết định số 98/2012/QĐ-HĐQT và Quyết định số 99/2012/QĐ-HĐQT ngày 01/01/2013 của Hội đồng quản trị, do đó số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán ngày 01/01/2013 của 2 đơn vị này được tổng hợp vào Báo cáo tài chính của Văn phòng và 04 Chi nhánh trực thuộc là Chi nhánh Sông Đà 902, Chi nhánh Sông Đà 905, Chi nhánh Sông Đà 907 và Chi nhánh Sông Đà 910.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

Quyền sử dụng đất của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài tại Ưông Bí - Quảng Ninh.

Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh đang được Công ty tạm ghi nhận nguyên giá với giá trị 301.147.512.055 đồng theo Quyết định số 10CT/TCKT ngày 07/05/2012 và Quyết định số 55CT/TCKT ngày 31/12/2013 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9, khấu hao tạm trích trong kỳ là 17.018.792.516 đồng, khấu hao lũy kế đến 31/12/2013 là 29.852.886.903 đồng. Khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính theo giá trị tài sản được duyệt.

**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

#### **2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông trong năm được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.15 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT.

**2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	9.595.803.147	8.959.571.886
Tiền gửi ngân hàng	85.424.082.192	20.062.917.303
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
	<b>95.019.885.339</b>	<b>36.022.489.189</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	63.450.000.000	63.450.000.000
- Cho Công ty Cổ phần Sông Đà 901 vay	16.000.000.000	16.000.000.000
- Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu vay	47.450.000.000	47.450.000.000
	<b>63.450.000.000</b>	<b>63.450.000.000</b>

(\*) Số dư phản ánh khoản cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn là 9 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được tính theo thông báo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9, căn cứ trên lãi suất Công ty Cổ phần Sông Đà 9 vay tại Ngân hàng NNo & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ.

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	697.001.482	1.076.010.435
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	7.850.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	8.617.804.924	-
Phải thu các công ty có vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 9	10.047.593.475	6.456.042.376
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà</i>	<i>1.508.794.596</i>	<i>559.970.984</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 909</i>	<i>-</i>	<i>649.385.016</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 901</i>	<i>594.870.642</i>	<i>514.985.812</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu</i>	<i>6.881.198.593</i>	<i>3.683.845.506</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô</i>	<i>423.095.930</i>	<i>226.109.196</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9</i>	<i>639.633.714</i>	<i>821.745.862</i>
Phải thu tiền tạm ứng lương	70.043.785	-
Phải thu Tổng Công ty Sông Đà	1.020.669.020	-
Phải thu khác liên quan đến chi phí phát hành tăng vốn	569.600.000	-
Phải thu khác	5.020.877.091	4.080.413.615
	<b>33.893.589.777</b>	<b>11.612.466.426</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.727.483.769	20.937.156.610
Công cụ, dụng cụ	1.038.932.648	238.735.285
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	292.104.466.513	345.105.463.149
Công trình Thủy điện Xêkaman 1	33.754.118.908	-
Công trình Thủy điện Xêkaman 3	27.551.226.202	21.446.962.330
Công trình Thủy điện Lai Châu	93.242.199.525	139.068.344.488
Công trình Thủy điện Tuyên Quang	1.088.242.154	4.901.322.407
Công trình Thủy điện Nậm Chiến	11.263.892.638	18.743.962.028
Công trình Thủy điện Hòa Na	19.629.514.697	25.003.053.200
Công trình đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	27.170.925.724	20.086.412.691
Công trình đường tránh Hà Tĩnh	8.612.240.203	-
Công trình đường Núi Pháo	-	16.570.390.920
Công trình Thủy điện Sơn La	11.173.552.626	38.513.410.586
Công trình Thủy điện Trung Sơn	5.812.040.946	3.583.555.340
Công trình Thủy điện Huội Quảng	20.841.827.520	35.937.034.610
Công trình Bảo Thắng	10.557.740.786	-
Các công trình khác	21.406.944.584	21.251.014.549
Hàng gửi đi bán	-	651.350.051
	<b><u>314.870.882.930</u></b>	<b><u>366.932.705.095</u></b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	18.838.912.787	18.601.682.064
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	57.330.000	81.330.000
	<b><u>18.896.242.787</u></b>	<b><u>18.683.012.064</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Tại ngày 01/01/2013	203.006.819.240	376.621.916.925	370.699.016.109	2.850.809.137	953.178.561.411					
Mua sắm	-	9.769.778.391	2.378.617.538	222.207.000	12.370.602.929					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.977.108.350	12.918.025.279	-	-	18.895.133.629					
Tăng do chuyển từ bất động sản đầu tư	27.607.071.080	-	-	-	27.607.071.080					
Tăng khác do phân loại lại	-	1.641.270.280	-	-	1.641.270.280					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(241.636.667)	-	(241.636.667)					
Giảm khác do phân loại lại	-	-	(1.327.075.408)	(314.194.872)	(1.641.270.280)					
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(1.411.897.954)	-	(934.114.532)	(2.346.012.486)					
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>236.590.998.670</b>	<b>399.539.092.921</b>	<b>371.508.921.572</b>	<b>1.824.706.733</b>	<b>1.009.463.719.896</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Tại ngày 01/01/2013	5.834.217.078	226.064.208.622	295.295.763.122	2.570.972.404	529.765.161.226					
Trích khấu hao	10.044.408.984	28.213.724.247	16.848.948.686	200.334.684	55.307.416.601					
Tăng do chuyển từ bất động sản đầu tư	17.732.630.912	-	-	-	17.732.630.912					
Tăng khác do phân loại lại	-	1.574.671.436	-	-	1.574.671.436					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(241.636.667)	-	(241.636.667)					
Giảm khác do phân loại lại	-	-	(1.260.476.564)	(314.194.872)	(1.574.671.436)					
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(1.243.072.118)	-	(886.498.025)	(2.129.570.143)					
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>33.611.256.974</b>	<b>254.609.532.187</b>	<b>310.642.598.577</b>	<b>1.570.614.191</b>	<b>600.434.001.929</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày 01/01/2013	197.172.602.162	150.557.708.303	75.403.252.987	279.836.733	423.413.400.185					
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>202.979.741.696</b>	<b>144.929.560.734</b>	<b>60.866.322.995</b>	<b>254.092.542</b>	<b>409.029.717.967</b>					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 388.296.806.850 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 425.532.761.461 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh đang được Công ty tạm ghi nhận nguyên giá với giá trị 301.147.512.055 đồng theo Quyết định số 10CT/TCKT ngày 07/05/2012 và Quyết định số 55CT/TCKT ngày 31/12/2013 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9, khấu hao tạm trích trong kỳ là 17.018.792.516 đồng, khấu hao lũy kế đến 31/12/2013 là 29.852.886.903 đồng. Khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính theo giá trị tài sản được duyệt.

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2013	90.000.000	80.000.000	170.000.000
Tại ngày 31/12/2013	<u>90.000.000</u>	<u>80.000.000</u>	<u>170.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2013	-	80.000.000	80.000.000
Tại ngày 31/12/2013	-	<u>80.000.000</u>	<u>80.000.000</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2013	90.000.000	-	90.000.000
Tại ngày 31/12/2013	<u>90.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.000.000</u>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4.948.008.347</b>	<b>6.520.866.873</b>
Công trình Nhà 14B Kỳ Đồng	-	30.088.234
Dự án Thủy điện Ghềnh Chang <sup>(1)</sup>	333.553.802	333.553.802
Dự án cải tạo Văn phòng làm việc của Công ty	-	1.611.770.292
Dự án Thủy điện Pake <sup>(2)</sup>	4.614.454.545	4.545.454.545
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>28.481.250</b>	-
Thiết bị PV bê tông đầm lăn RCC Xêkaman 1	28.481.250	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	-	<b>1.704.476.069</b>
Máy móc, thiết bị	-	1.704.476.069
	<u><b>4.976.489.597</b></u>	<u><b>8.225.342.942</b></u>

(1) Dự án Thủy điện Ghềnh Chang đang được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét về khả năng tiếp tục triển khai thực hiện.

(2) Dự án Thủy điện Pake nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Anh Nguyên theo Quyết định số 40/2010/QĐ-HĐQT ngày 06/07/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và đang tiếp tục được thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2013	27.607.071.080	27.607.071.080
Giảm khác do phân loại lại (*)	(27.607.071.080)	(27.607.071.080)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2013	17.732.630.912	17.732.630.912
Giảm khác do phân loại lại (*)	(17.732.630.912)	(17.732.630.912)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2013	9.874.440.168	9.874.440.168
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	-	-

(\*) Công ty thực hiện phân loại từ bất động sản đầu tư sang tài sản cố định hữu hình do trong kỳ Công ty thực hiện giảm một phần diện tích cho thuê văn phòng sang để sử dụng cho mục đích quản lý doanh nghiệp.

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>112.579.247.944</b>	<b>112.579.247.944</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	25.500.000.000	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 901	17.031.431.092	17.031.431.092
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	70.047.816.852	70.047.816.852
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>20.887.808.667</b>	<b>20.887.808.667</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	20.887.808.667	20.887.808.667
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>83.490.415.909</b>	<b>89.870.704.591</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(42.927.743.064)</b>	<b>(32.194.218.458)</b>
	<b>174.029.729.456</b>	<b>191.143.542.744</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Hà Tây	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí; xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty Cổ phần Sông Đà 901	Gia Lai	55,23%	55,23%	Xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Hà Giang	51,00%	51,00%	Sản xuất và cung cấp điện

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Hà Nội	25,55%	25,55%	Xây dựng

**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>67.576.325.000</b>		<b>73.656.613.682</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	1.862.800	18.628.000.000	1.862.800	18.628.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	-	17.060	758.240.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	245.000	5.784.940.000	245.000	5.784.940.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	-	56.610	1.353.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	-	-	7.500	723.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	-	-	49.137	3.246.048.682
Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC	1.700.250	17.002.500.000	1.700.250	17.002.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 906	1.975.000	19.750.000.000	1.975.000	19.750.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam	22.210	410.885.000	22.210	410.885.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>15.914.090.909</b>		<b>16.214.090.909</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	750.500	7.505.000.000	750.500	7.505.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Vân Phong	300.000	3.409.090.909	300.000	3.409.090.909
Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	-	-	30.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu kinh tế Hải Hà	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	400.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>		<b>(42.927.743.064)</b>		<b>(32.194.218.458)</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		-		(567.168.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1		(5.123.440.000)		(5.049.940.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		-		(996.357.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp		-		(559.500.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC		(12.374.143.225)		-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Vân Phong		(60.286.351)		-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		-		(1.909.522.282)
Công ty Cổ phần Sông Đà 906		(13.430.000.000)		(11.455.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên		(3.743.553.488)		(107.371.176)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà		(8.196.320.000)		(11.549.360.000)
<b>Tổng cộng</b>		<b>40.562.672.845</b>		<b>57.676.486.133</b>

Trong năm, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 thực hiện thoái vốn đầu tư tại một số công ty, theo đó số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 giảm cụ thể:

## (1) Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10

- Về số lượng: 17.060 cổ phiếu
- Về giá trị: 758.240.000 đồng

## (2) Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sông Đà 6

- Về số lượng: 56.610 cổ phiếu
- Về giá trị: 1.353.000.000 đồng

## (3) Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà

- Về số lượng: 7.500 cổ phiếu
- Về giá trị: 723.000.000 đồng

## (4) Thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- Về số lượng: 49.137 cổ phiếu
- Về giá trị: 3.246.048.682 đồng

## (5) Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê

- Về số lượng: 30.000 cổ phiếu
- Về giá trị: 300.000.000 đồng

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.614.073.842	17.208.335
	<b>5.614.073.842</b>	<b>17.208.335</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>463.926.696.792</b>	<b>431.079.938.622</b>
Vay ngân hàng	459.469.195.412	428.397.154.217
Vay cá nhân	4.457.501.380	2.682.784.405
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>48.382.570.000</b>	<b>47.378.000.000</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	48.382.570.000	47.378.000.000
(Xem thuyết minh 18)		
	<b><u>512.309.266.792</u></b>	<b><u>478.457.938.622</u></b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung <sup>(1)</sup>	92.488.373.675	59.978.241.974
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ <sup>(2)</sup>	66.926.690.870	84.627.764.666
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(3)</sup>	58.617.953.751	44.297.657.430
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh <sup>(4)</sup>	56.085.233.353	56.999.358.704
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(5)</sup>	54.675.407.042	58.516.560.415
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long <sup>(6)</sup>	72.856.277.691	74.082.087.586
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình <sup>(7)</sup>	57.819.259.030	49.895.483.442
Vay cá nhân <sup>(8)</sup>	4.457.501.380	2.682.784.405
	<b><u>463.926.696.792</u></b>	<b><u>431.079.938.622</u></b>

**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	10.040.000.000	1.240.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	26.042.000.000	33.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	12.300.570.000	12.638.000.000
	<b><u>48.382.570.000</u></b>	<b><u>47.378.000.000</u></b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 25/2013/HĐTD/VTB-SD9 ngày 19/6/2013 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công các Công trình;
  - + Thời hạn vay: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi.
  
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-200900714 ngày 04/07/2013 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Kể từ ngày ký đến hết ngày 26/06/2014;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/lần.
  
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTDHM ngày 09/08/2013 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/07/2014;
  - + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
  
- (4) Hợp đồng tín dụng số 13/1276/NHNT ngày 21/05/2013 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Thanh toán chi phí thi công các công trình;
  - + Thời hạn vay: Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng tối đa không quá 09 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm rút vốn và cố định tính cho từng giấy nhận nợ.
  
- (5) Hợp đồng tín dụng số KHI-HĐCTD/13048 ngày 08/05/2013 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và tài trợ thương mại;
  - + Thời hạn vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 08 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ.
  
- (6) Hợp đồng tín dụng số 01-SD9/2013/HĐTDHM ngày 15/08/2013 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
  - + Thời hạn vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể;
  - + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

(7) Hợp đồng tín dụng số 342.13.011.951 402.TD ngày 19/6/2013 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công Dự án Thủy điện Lai Châu;
- + Thời hạn vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng không quá 09 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(8) Các khoản vay cá nhân với thời hạn từ 01 tháng đến 09 tháng, lãi suất được áp dụng theo thông báo của các Ngân hàng Công ty đang giao dịch.

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	27.353.512.367	17.288.977.858
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.457.494.502	18.316.373.720
Thuế Thu nhập cá nhân	1.989.650.843	733.647.778
Thuế Tài nguyên	1.605.234.245	524.289.901
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	1.007.411.214	517.488.950
Các loại thuế khác	100.697.987	1.235.097.332
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	402.786.735	-
	<b><u>39.916.787.893</u></b>	<b><u>38.615.875.539</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.621.023.164
Trích trước chi phí kiểm toán	75.000.000	125.000.000
Trích trước chi phí thi công Công trình đường Hà Nội - Lào Cai	7.472.414.871	5.386.464.952
Trích trước chi phí Dự án Thủy điện Nậm Khánh	9.440.836.131	9.367.639.051
Trích trước chi phí Dự án cụm Công nghiệp Phú Nghĩa	1.496.016.247	1.496.016.247
Trích trước Chi phí thi công Đường tránh thủy điện Lai Châu	-	3.886.888.426
Trích trước chi phí các công trình khác	4.573.963.321	5.694.015.654
	<b><u>23.058.230.570</u></b>	<b><u>28.577.047.494</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.779.147.012	2.118.227.507
Bảo hiểm xã hội	5.607.107.906	4.688.414.410
Bảo hiểm y tế	101.099.250	207.725.032
Bảo hiểm thất nghiệp	33.389.314	89.989.371
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	-
Phải trả Công ty TNHH MTV Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	-	1.000.000.000
Các quỹ tự nguyện	945.969.540	2.625.688.946
Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lào Cai	334.279.240	-
Phải trả, phải nộp khác	1.595.561.677	3.617.214.447
	<b><u>12.546.553.939</u></b>	<b><u>14.347.259.713</u></b>

**18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>148.025.602.958</b>	<b>164.931.778.338</b>
Vay ngân hàng	148.025.602.958	164.931.778.338
	<b><u>148.025.602.958</u></b>	<b><u>164.931.778.338</u></b>

**Chi tiết vay dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung <sup>(1)</sup>	18.886.000.000	1.846.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(2)</sup>	127.193.602.958	138.895.778.338
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh <sup>(3)</sup>	1.946.000.000	24.190.000.000
	<b><u>148.025.602.958</u></b>	<b><u>164.931.778.338</u></b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

- (1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung bao gồm 02 hợp đồng:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/TH-SD 9 ngày 30/06/2009 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 7.737.870.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Thực hiện dự án đầu tư "Dây chuyền sản xuất đá dăm và bê tông thương phẩm";
  - + Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày 30/06/2009 đến ngày 30/06/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
  - + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2013 là 1.846.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.240.000.000 đồng;

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)**

(b) Hợp đồng tín dụng số 120620/HĐTD ngày 16/08/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư nâng cao năng lực thi công bê tông đầm lăn thủy điện Lai Châu;
- + Thời hạn cho vay: 45 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản, máy móc thiết bị thuộc dự án "Nâng cao năng lực thi công bê tông đầm lăn thủy điện Lai Châu";
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2013 là 27.080.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm tới là 8.800.000.000 đồng;

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTD ngày 04/05/2009 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 161 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư cho dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai;
- + Thời hạn cho vay: 11 năm, ân hạn trả nợ gốc trong 2 năm đầu của dự án, trả nợ gốc trong 09 năm.
- + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản của Công ty khi đầu tư vào dự án;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2013 là 139.494.172.958 đồng (bao gồm 1.746.000 USD và 102.592.462.958 đồng), trong đó số nợ gốc phải trả trong năm tới là 12.300.570.000 đồng (tương đương 582.000 USD);

(3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh bao gồm 03 hợp đồng:

(a) Hợp đồng tín dụng số 09/7057.NHNT ngày 05/03/2009 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 42.895.080.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư mua sắm thiết bị;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2013 là 2.840.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.840.000.000 đồng;

(b) Hợp đồng tín dụng số 09/7195/NHNT ngày 31/12/2009 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 123.836.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay vốn để đầu tư mua sắm thiết bị;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 07 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được quy định theo từng thời điểm nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản, máy móc thiết bị thuộc dự án "Nâng cao năng lực thi công bê tông đầm lăn thủy điện Lai Châu";
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2013 là 21.350.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm tới là 21.350.000.000 đồng;

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)**

- (c) Hợp đồng tín dụng số 13/1284/VCB.HTi ngày 02/10/2013 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 24.639.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Vay vốn để đầu tư thiết bị thi công bê tông đầm lăn công trình thủy điện Xékaman 1;
  - + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: Được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
  - + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2013 là 3.798.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.852.000.000 đồng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội

**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2012</b>							
Tại ngày 01/01/2012	292.500.000.000	21.322.248.169	(39.451.559)	116.626.951.359	12.855.701.823	75.349.283.223	518.614.733.015
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	54.105.001.098	54.105.001.098
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	14.526.065.198	2.710.517.335	-	17.236.582.533
Tặng khác	-	-	39.451.559	-	-	-	39.451.559
Giảm khác	-	-	-	-	-	(61.417.124.288)	(61.417.124.288)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>292.500.000.000</b>	<b>21.322.248.169</b>	<b>-</b>	<b>131.153.016.557</b>	<b>15.566.219.158</b>	<b>68.037.160.033</b>	<b>528.578.643.917</b>
<b>Năm 2013</b>							
Tại ngày 01/01/2013	292.500.000.000	21.322.248.169	-	131.153.016.557	15.566.219.158	68.037.160.033	528.578.643.917
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	51.088.111.524	51.088.111.524
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	14.491.841.408	2.475.822.481	(22.159.196.850)	(5.191.532.961)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(29.250.000.000)	(29.250.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(844.034.560)	(844.034.560)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>292.500.000.000</b>	<b>21.322.248.169</b>	<b>-</b>	<b>145.644.857.965</b>	<b>18.042.041.639</b>	<b>66.872.040.147</b>	<b>544.381.187.920</b>

(\*) Công ty thực hiện điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế, tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp số tiền 844.034.560 đồng theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước ngày 25 tháng 11 năm 2013.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 10/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		54.105.001.098		
Thuế TNDN được giảm		4.588.551.485		
Lợi nhuận còn lại phân phối quỹ	100,00%	49.516.449.613		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00%	9.903.289.923		
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	2.475.822.481		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	4.951.644.961		
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	0,39%	192.000.000		
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	59,07%	29.250.000.000		
Lợi nhuận chưa phân phối	5,54%	2.743.692.248		
Bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ thuế TNDN được giảm		4.588.551.485		
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà	58,38%	170.772.000.000	58,38%	170.772.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	41,62%	121.728.000.000	41,62%	121.728.000.000
	<b>100%</b>	<b>292.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>292.500.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
		Năm 2013 VND		Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		292.500.000.000		292.500.000.000
- Vốn góp đầu năm		292.500.000.000		292.500.000.000
- Vốn góp cuối năm		292.500.000.000		292.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		(29.250.000.000)		(35.100.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		(29.250.000.000)		(35.100.000.000)
<b>d) Cổ phiếu</b>				
		31/12/2013		01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		29.250.000		29.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		29.250.000		29.250.000
- Cổ phiếu phổ thông		29.250.000		29.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		29.250.000		29.250.000
- Cổ phiếu phổ thông		29.250.000		29.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)		10.000		10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	145.644.857.965	131.153.016.557
Quỹ dự phòng tài chính	18.042.041.639	15.566.219.158
	<b><u>163.686.899.604</u></b>	<b><u>146.719.235.715</u></b>

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	39.157.733.922	21.545.586.602
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.635.696.622	16.621.706.190
Doanh thu hợp đồng xây dựng	782.305.698.735	785.698.926.449
	<b><u>833.099.129.279</u></b>	<b><u>823.866.219.241</u></b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	23.694.143.572	11.796.556.287
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.307.835.689	15.708.653.186
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	637.598.896.283	601.677.977.897
	<b><u>671.600.875.544</u></b>	<b><u>629.183.187.370</u></b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	8.893.430.608	11.304.974.437
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.436.315.181	4.187.379.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	56.737.213	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	194.253.389	47.514.419
	<b><u>31.580.736.391</u></b>	<b><u>15.539.868.256</u></b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	72.809.913.781	90.526.012.101
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.426.904.109	670.813.569
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	881.478.775	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10.733.524.606	13.148.815.580
Chi phí tài chính khác	27.035.525	18.417.090
	<b><u>87.878.856.796</u></b>	<b><u>104.364.058.340</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội

**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.553.066.285	64.685.169.087
Các khoản điều chỉnh tăng	2.361.541.904	1.912.628.708
Các khoản điều chỉnh giảm	(24.318.600.580)	(5.186.731.338)
Tổng thu nhập tính thuế	38.596.007.609	61.411.066.457
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	9.649.001.902	15.352.766.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(4.554.774.590)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	(33.776.895)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>9.649.001.902</u></b>	<b><u>10.764.215.129</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	18.316.373.720	11.828.766.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(18.433.661.639)	(4.276.607.658)
Đối trừ thuế TNDN phải nộp đến 31/10/2013 với thuế được hoàn theo QĐ 49471/QĐ/CT-KT2 ngày 11/12/2013 của Cục thuế Hà Nội	(2.918.254.041)	-
Điều chỉnh tăng khoản thuế TNDN phải nộp theo QĐ của Kiểm toán Nhà nước	844.034.560	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b><u>7.457.494.502</u></b>	<b><u>18.316.373.720</u></b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	644.164.991	460.117.850
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	644.164.991	460.117.850
	<b><u>644.164.991</u></b>	<b><u>460.117.850</u></b>
	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh	(184.047.141)	(184.047.140)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(184.047.141)	(184.047.140)
	<b><u>(184.047.141)</u></b>	<b><u>(184.047.140)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	370.597.015.014	335.192.408.615
Chi phí nhân công	75.087.488.095	86.982.747.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.307.416.601	47.601.158.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.873.496.570	78.008.366.748
Chi phí khác bằng tiền	45.854.944.108	41.236.409.000
	<b><u>616.720.360.388</u></b>	<b><u>589.021.091.196</u></b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.019.885.339	-	36.022.489.189	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	418.972.552.497	(15.084.607.114)	339.657.065.476	(14.763.731.179)
Các khoản cho vay	63.450.000.000	-	63.450.000.000	-
Đầu tư dài hạn	83.490.415.909	(42.927.743.064)	89.870.704.591	(32.194.218.458)
	<b><u>660.932.853.745</u></b>	<b><u>(58.012.350.178)</u></b>	<b><u>529.000.259.256</u></b>	<b><u>(46.957.949.637)</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	660.334.869.750	643.389.716.960
Phải trả người bán, phải trả khác	112.556.453.459	149.600.063.683
Chi phí phải trả	23.058.230.570	28.577.047.494
	<b><u>795.949.553.779</u></b>	<b><u>821.566.828.137</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.019.885.339	-	-	95.019.885.339
Phải thu khách hàng, phải thu khác	403.887.945.383	-	-	403.887.945.383
Các khoản cho vay	63.450.000.000	-	-	63.450.000.000
Đầu tư dài hạn	-	40.562.672.845	-	40.562.672.845
	<b>562.357.830.722</b>	<b>40.562.672.845</b>	-	<b>602.920.503.567</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.022.489.189	-	-	36.022.489.189
Phải thu khách hàng, phải thu khác	324.893.334.297	-	-	324.893.334.297
Các khoản cho vay	63.450.000.000	-	-	63.450.000.000
Đầu tư dài hạn	-	57.676.486.133	-	57.676.486.133
	<b>424.365.823.486</b>	<b>57.676.486.133</b>	-	<b>482.042.309.619</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	512.309.266.792	117.433.140.000	30.592.462.958	660.334.869.750
Phải trả người bán, phải trả khác	112.331.361.376	225.092.083	-	112.556.453.459
Chi phí phải trả	23.058.230.570	-	-	23.058.230.570
	<u><u>647.698.858.738</u></u>	<u><u>117.658.232.083</u></u>	<u><u>30.592.462.958</u></u>	<u><u>795.949.553.779</u></u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	478.457.938.622	101.033.986.575	63.897.791.763	643.389.716.960
Phải trả người bán, phải trả khác	149.397.325.725	202.737.958	-	149.600.063.683
Chi phí phải trả	28.577.047.494	-	-	28.577.047.494
	<u><u>656.432.311.841</u></u>	<u><u>101.236.724.533</u></u>	<u><u>63.897.791.763</u></u>	<u><u>821.566.828.137</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 10/2013/NQ-DHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2013, Công ty có chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty để sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01 vào Công ty Cổ phần Sông Đà 9, qua phương thức hoán đổi cổ phiếu. Ngày 18/10/2013, Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua hợp đồng sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01 vào Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và đã được ký kết giữa 02 công ty. Công ty đã được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 73/GCN-UBCK ngày 10/12/2013. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Chi nhánh Sông Đà 901 đã được thành lập căn cứ theo Quyết định số 127/2013/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tuy nhiên các thủ tục liên quan đến việc tăng vốn điều lệ để sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01 vẫn đang được tiếp tục thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG ĐÀ 9**

Tòa nhà Sóng Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Xây lắp VND	Bán hàng hóa, thành phẩm VND	Dịch vụ thương mại VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	782.305.698.735	39.157.733.922	11.635.696.622	833.099.129.279	833.099.129.279
Chi phí bộ phận trực tiếp	637.598.896.283	23.694.143.572	10.307.835.689	671.600.875.544	671.600.875.544
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	104.924.329.270
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>144.706.802.452</b>	<b>15.463.590.350</b>	<b>1.327.860.933</b>	<b>161.498.253.735</b>	<b>56.573.924.465</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	761.697.398.350	271.294.625.152	21.674.651.168	1.054.666.674.670	1.054.666.674.670
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	471.359.590.777
<b>Tổng tài sản</b>	<b>761.697.398.350</b>	<b>271.294.625.152</b>	<b>21.674.651.168</b>	<b>1.054.666.674.670</b>	<b>1.526.026.265.447</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	760.509.902.693	139.828.452.198	-	900.338.354.891	900.338.354.891
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	81.306.722.636
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>760.509.902.693</b>	<b>139.828.452.198</b>	<b>-</b>	<b>900.338.354.891</b>	<b>981.645.077.527</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty liên kết	157.715.443	954.419.381
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Công ty con	25.797.123.908	752.866.769
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con	2.272.727	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	1.001.907.509	4.338.731.594
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con GT	355.183.475	351.272.249
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty liên kết	628.210.636	745.386.728
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Công ty con	1.439.045.490	1.837.758.386
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	80.955.840.802	27.300.349.795
<b>Cho vay vốn</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty liên kết	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con	-	47.450.000.000
<b>Thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Công ty con	6.430.888.033	4.794.646.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con	21.870.906.891	7.926.546.699
Công ty TNHH MTV Sông Đà 903	Công ty con	14.347.394.827	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 908	Công ty con	38.316.006.585	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	2.550.000.000	2.040.000.000
<b>Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:</b>			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty liên kết	36.808.028	36.808.028
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Công ty con	16.640.992.348	-
Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	-	8.240.003.328



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**Tòa nhà Sông Đà 9, Phạm Hùng, Từ Liêm,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty liên kết	-	649.385.016
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Công ty con	2.641.768.675	514.985.812
Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	639.633.714	821.745.862
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con GT	423.095.930	226.109.196
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con	21.302.105.484	3.683.845.506
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty liên kết	9.215.800	8.641.300
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Công ty con	252.797.183	1.315.570.811
Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	3.750.161.424	11.478.339.009
<b>Ứng trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	15.601.606.449	8.240.003.328
<b>Các khoản cho vay</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	Công ty con	16.000.000.000	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con	47.450.000.000	47.450.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.078.830.297	3.003.975.860

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là số liệu đã bao gồm Báo cáo kết quả kinh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 903 và Công ty TNHH MTV Sông Đà 908.

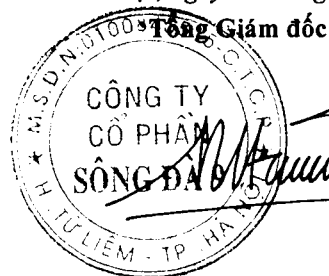
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Trần Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Phạm Quốc Thái



Nguyễn Hoàng Cường